

Số : 134/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 18 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc (lần 02)

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/2/2002 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BQL ngày 18/7/2024 của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 02);

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai các hoạt động tài chính của đơn vị như sau:

1.1 Công khai phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi QLDA năm 2024 (lần 02).

(Đính kèm QĐ số 133/QĐ-BQL ngày 18/7/2024)

1.2 Thời gian công khai là 30 ngày.

Điều 2. Kế toán BQL dự án đầu tư xây dựng và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Công khai tại trụ sở BQL;
- Lưu VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH



Nguyễn Đăng Thư

Số: 133/QĐ-BQL

Thuận Bắc, ngày 18 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 02)

GIÁM ĐỐC BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN THUẬN BẮC

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND huyện Thuận Bắc về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND huyện Thuận Bắc về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ Tài chính về việc Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND huyện Thuận Bắc về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 đối với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-BQL ngày 20/12/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc về việc Phê duyệt dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-BQL ngày 24/5/2024 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc về việc Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi chi phí quản lý dự án của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc năm 2024 (lần 01);

Căn cứ nguồn thu được trích từ chi phí quản lý dự án của các công trình được giao quản lý năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 (lần 02) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thuận Bắc, giá trị dự toán được duyệt là: **2.309.087.732 đồng**, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Dự toán		Dự toán sau khi điều chỉnh
		Dự toán phê duyệt (105/QĐ-BQL ngày 24/5/2024)	Dự toán điều chỉnh	
A	DỰ TOÁN THU	2.606.770.966	-297.683.234	2.309.087.732
I	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	2.239.468.035	-257.871.987	1.981.596.048
1	Trường MG Phước Kháng (phòng đa năng cơ sở chính; 05 phòng học cơ sở Suối Le, 04 phòng, bếp ăn liên hoàn, nhà vệ sinh cơ sở Cầu Đá)	391.352.759		391.352.759
2	Dự án phát triển du lịch công đồng trên địa bàn xã Phước Chiến	154.701.510		154.701.510
3	Đầu tư hạ tầng cấp đất ở và xây dựng nhà ở cho dân thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	218.300.620		218.300.620
4	Hệ thống điện phục vụ vùng sản xuất Cây Sung-Tà Lốc thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn	55.437.489		55.437.489
5	Đường giao thông xã Phước Chiến	107.317.052		107.317.052
6	Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi Đá Lăn xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc	84.883.993		84.883.993
7	Trường Mẫu giáo Bắc Sơn	138.235.262		138.235.262
8	Đường D2 nối dài đến Khu công nghiệp Du Long	385.827.960		385.827.960
9	Hệ thống kênh mương các thôn xã Phước Kháng	228.616.993		228.616.993
10	Cải tạo nút giao thông Quốc Lộ 1A tại lý trình Km 1537+150,000 (giai đoạn 2 theo QĐ 129/QĐ-UBND ngày 24/01/2024)	75.313.429		75.313.429
11	Hạ tầng khu dân cư Bình Tiên	86.144.293	-86.144.293	0
12	NC, nhựa hóa các tuyến trục đường Khu TTHC huyện	82.235.445	-82.235.445	0
13	Trường tiểu học Xóm Bằng (hạng mục 03 phòng bộ môn)	89.492.249	-89.492.249	0
14	Trường tiểu học Gò Sạn (hạng mục 03 phòng bộ môn)	66.203.875		66.203.875
15	Trường tiểu học Công Hải (hạng mục 02 phòng học, 03 phòng bộ môn)	75.405.106		75.405.106
II	Nguồn thu hợp pháp khác	367.302.931	-39.811.247	327.491.684
1	Sửa chữa, cải tạo Công viên 7-2 huyện Thuận Bắc	81.081.825		81.081.825
2	Trường Trung học Dân tộc Nội trú THCS Thuận Bắc	36.785.909	-36.785.909	0
3	Nhà làm việc Công an xã Bắc Phòng	45.935.180		45.935.180

STT	Nội dung	Dự toán		Dự toán sau khi điều chỉnh
		Dự toán phê duyệt (105/QĐ-BQL ngày 24/5/2024)	Dự toán điều chỉnh	
4	Sửa chữa trụ sở làm việc UBND huyện Thuận Bắc	28.008.280	-2.163.280	25.845.000
5	Nhà làm việc Công an xã Bắc Sơn	44.798.000		44.798.000
6	Bảo dưỡng hoa viên, cây xanh khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc	10.878.750	-407.495	10.471.255
7	Bảo dưỡng hoa viên, cây xanh khu trung tâm hành chính huyện Thuận Bắc năm 2024	67.674.528		67.674.528
8	NC, SC kênh tưới thuộc tuyến bi số 02A thôn Mỹ Nhơn, xã Bắc Phong	6.689.150		6.689.150
9	NC, SC kênh tưới đồng Góc Dâu thôn Ba Hồ, xã Công Hải	6.721.780		6.721.780
10	Khắc phục sạt lở đoạn đường đập Cây Sung đến vùng Tà Lốc thôn Xóm Bằng xã Bắc Sơn	4.611.600		4.611.600
11	Sửa chữa các trường học cấp tiểu học năm 2024	16.705.024	-454.563	16.250.461
12	Sửa chữa các trường học cấp mẫu giáo năm 2024	3.619.535		3.619.535
13	Sửa chữa các trường học cấp THCS năm 2024	13.793.370		13.793.370
B	SỐ TIỀN CHUYỂN SANG NĂM SAU TIẾP TỤC SỬ DỤNG	0	200.000.000	200.000.000
C	DỰ TOÁN CHI (I+II)	2.606.770.966	-497.683.234	2.109.087.732
I	Chi thường xuyên	2.606.770.966	-497.683.234	2.109.087.732
1	Tiền lương	516.888.000	77.209.200	594.097.200
2	Tiền công	24.000.000		24.000.000
3	Các khoản phụ cấp lương	97.486.364	14.622.955	112.109.319
4	Các khoản trích nộp theo lương	115.973.640	17.396.046	133.369.686
5	Chi khen thưởng			0
6	Chi phúc lợi tập thể			0
7	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	15.000.000		15.000.000
8	Chi mua vật tư văn phòng	40.000.000		40.000.000
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	15.000.000	8.000.000	23.000.000
10	Chi hội nghị			0
11	Chi công tác phí	56.000.000		56.000.000
12	Chi thuê mướn	100.000.000	-50.500.000	49.500.000
13	Chi đoàn công tác tại nước ngoài			0
14	Chi vào đoàn			0
15	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	25.000.000	15.000.000	40.000.000

STT	Nội dung	Dự toán		Dự toán sau khi điều chỉnh
		Dự toán phê duyệt (105/QĐ-BQL ngày 24/5/2024)	Dự toán điều chỉnh	
16	Chi phí khác	1.340.745.865	-318.734.338	1.022.011.527
17	Dự phòng	260.677.097	-260.677.097	0
II	Chi không thường xuyên	0	0	0
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án			
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định			
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)			
5	Chi khác			

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Phòng Tổ chức-Hành chính-Kế toán BQL dự án đầu tư xây dựng huyện căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Phòng TC-KH huyện;
- KBNN Thuận Bắc;
- Lưu VT;KT.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH**



Nguyễn Đăng Thư